TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST Ngày: 20-4-2023 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.
- Ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐ-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Bị đơn: Anh Phạm Xuân C, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
Chị L có mặt, anh Cvắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2022, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Chị Đinh Thị L trình bày: Chị và Anh Phạm Xuân C kết hôn với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng anh chị sinh sống tại thôn 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng

không hợp tính nhau trong nhiều lĩnh vực và không tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Đến đầu năm 2017 do mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân và gia đình không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thực sự sâu sắc không còn khả năng hàn gắn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Phạm Xuân C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Ccó 01 con chung là cháu Phạm Tường Vy sinh ngày 21/8/2016, hiện cháu đang ở với anh Cvà ông bà nội, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu chị đồng ý cho anh Ctiếp tục nuôi cháu và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Cmỗi tháng 2000.000 đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Phạm Xuân C, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng anh vẫn không đến làm việc trực tiếp tại Tòa án. Bố đẻ anh Clà ông Phạm Xuân Ph xác nhận việc anh Cbiết Chị Lxin ly hôn với anh nhưng anh đi làm không lên Tòa.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/02/2023 giữa Tòa án nhân dân huyện N và UBND xã Ph, quan điểm của UBND xã Ph như sau: anh Cvà Chị Lmâu thuẫn từ năm 2017, UBND xã đã tiến hành hòa giải 3 lần nhưng không thành. Hiện nay anh Cvẫn sinh sống tại Thôn 3, xã Ph. anh Ckhỏe mạnh, có thu nhập đảm bảo việc nuôi con chung.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án vì vậy Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đinh Thị L. Xử ly hôn giữa Chị Đinh Thị L và Anh Phạm Xuân C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Phạm Tường V sinh ngày 21/8/2016, hiện cháu đang ở với anh Ccho anh Ctiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Đinh Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Cmỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

3. Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị L phải chịu theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Lvà anh Clà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của Chị Lvà anh Cthường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Lvới anh Clà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị Lvà anh Ccó 01 con chung là cháu Phạm Tường V sinh ngày 21/8/2016, hiện cháu đang ở với anh Cường. Chị Lđồng ý cho anh Ctiếp tục nuôi cháu và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Cmỗi tháng 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh C khỏe mạnh, có công việc ổn định, đảm bảo chăm lo cho cuộc sống cháu Vy. Mặt khác có sự hỗ trợ của bố mẹ anh C. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định cho cháu nên tiếp tục giao cháu V cho anh Cchăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của Chị L đối với cháu V mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị L phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đinh Thị L. Xử ly hôn giữa Chị Đinh Thị L và Anh Phạm Xuân C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Phạm Tường V sinh ngày 21/8/2016, hiện cháu đang ở với anh Ccho anh Ctiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Chị Đinh Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Cmỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Kể từ ngày anh Ccó đơn yêu cầu thi hành án, nếu Chị Lkhông thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng Chị Lcòn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Lđã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003759 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3.2. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Xuân C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Ph;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH